

DANH MỤC MỘT SỐ BỆNH ĐƯỢC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CẤP CHUYÊN SÂU

P	MÃ BỆNH	TÊN BỆNH	TÌNH TRẠNG/ĐIỀU KIỆN
1	C81	U lympho Hodgkin	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
2	C81.0	U lympho Hodgkin dạng nốt ưu thể lympho bào	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
3	C81.1	U lympho Hodgkin (kính hiển) xơ nốt	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
4	C81.2	U lympho Hodgkin (kính hiển) hỗn hợp tế bào	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
5	C81.3	U lympho Hodgkin (kính hiển) giảm lympho bào	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
6	C81.4	U lympho Hodgkin (kính hiển) giàu lympho bào	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
7	C81.7	U lympho Hodgkin (kính hiển) khác	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
8	C81.9	U lympho Hodgkin, không đặc hiệu	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
9	C82	U lympho dạng nang	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
10	C82.0	U lympho dạng nang độ I	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
11	C82.1	U lympho dạng nang độ II	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
12	C82.2	U lympho dạng nang độ III, không xác định	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
13	C82.3	U lympho dạng nang độ IIIa	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
14	C82.4	U lympho dạng nang độ IIIb	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
15	C82.5	U lympho trung tâm nang toà rộng	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
16	C82.6	U lympho trung tâm nang da	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
17	C82.7	Loại khác của u lympho dạng nang	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
18	C82.9	U lympho dạng nang, không xác định	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
19	C83	U Lympho dạng không phải nang	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
20	C83.0	U lympho không Hodgkin tế bào B nhỏ	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
21	C83.1	U lympho không Hodgkin tế bào Mantle	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
22	C83.2	U lympho không Hodgkin hỗn hợp tế bào nhỏ-tế bào lớn (toà rộng)	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
23	C83.3	U lympho không Hodgkin tế bào B lớn toà rộng	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
24	C83.4	U lympho không Hodgkin nguyên bào miễn dịch (toà rộng)	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
25	C83.6	U lympho không Hodgkin không biệt hóa toà rộng	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
26	C83.7	U lympho Burkitt	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
27	C83.8	U lympho không phải dạng nang khác	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
28	C83.9	U lympho toà rộng không Hodgkin, không dạng nang, (toà rộng), không xác định	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
29	C84	Các loại U lympho tế bào T/NK trưởng thành	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
30	C84.0	U sùi dạng nấm	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
31	C84.1	Bệnh Sézary	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
32	C84.2	U lympho vùng T	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
33	C84.3	U lympho loại u lympho-biểu mô	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
34	C84.4	U lympho tế bào T ngoại vi, không phân loại ở nơi khác	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
35	C84.5	U lympho tế bào T/NK trưởng thành khác	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
36	C84.6	U lympho tế bào lớn bất sản, ALK- dương tính	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
37	C84.7	U lympho tế bào lớn bất sản, ALK âm tính	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
38	C84.8	U lympho tế bào T ở da, không đặc hiệu	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
39	C84.9	U lympho tế bào T/NK trưởng thành, không đặc hiệu	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
40	C85	U lympho không Hodgkin, loại khác và không đặc hiệu	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
41	C85.0	U lympho sarcom	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
42	C85.1	U lympho tế bào B, không đặc hiệu	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
43	C85.2	U lympho tế bào B lớn trung thất (tuyến ức)	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
44	C85.7	Loại xác định khác của u lympho không Hodgkin	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
45	C85.9	U lympho không Hodgkin, loại không xác định	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.

DANH MỤC MỘT SỐ BỆNH ĐƯỢC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CẤP CHUYÊN SÂU

P	MÃ BỆNH	TÊN BỆNH	TÌNH TRẠNG/ĐIỀU KIỆN
46	C86	Loại xác định khác của u lympho tế bào T/NK	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
47	C86.0	U lympho tế bào NK/T ngoại nút, loại mũi	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
48	C86.1	U lympho tế bào T gan- lách	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
49	C86.2	U lympho tế bào T loại bệnh lý ruột	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
50	C86.3	U lympho tế bào T giống viêm mô mỡ dưới da	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
51	C86.4	U lympho nguyên bào NK	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
52	C86.5	U lympho tế bào T nguyên bào mạch- nguyên bào miễn dịch	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
53	C86.6	Tăng sinh tế bào T da nguyên phát CD-30 dương tính	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
54	C90	Đa u tủy và các u tương bào	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
55	C90.0	Đa u tủy	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
56	C90.1	Bệnh bạch cầu dạng tương bào	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
57	C90.2	U tương bào ngoài tủy	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
58	C90.3	Bướu tương bào đơn độc	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
59	C91	Bệnh bạch cầu dạng lympho	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
60	C91.0	Bệnh bạch cầu dạng nguyên bào lympho cấp (ALL)	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
61	C91.1	Bệnh bạch cầu dạng lympho mãn tính của loại tế bào B	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
62	C91.2	Bệnh bạch cầu dạng lympho bán cấp	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
63	C91.3	Bệnh bạch cầu dạng tiền lympho của tế bào B	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
64	C91.4	Bệnh bạch cầu dạng tế bào có lông	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
65	C91.5	Bệnh bạch cầu dạng tế bào T trưởng thành	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
66	C91.6	Bệnh bạch cầu dạng tiền lympho của tế bào T	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
67	C91.7	Bệnh bạch cầu dạng lympho khác	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
68	C91.8	Bệnh bạch cầu tế bào B trưởng thành loại Burkitt	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
69	C91.9	Bệnh bạch cầu dạng lympho, không đặc hiệu	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
70	C92	Bệnh bạch cầu tủy	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
71	C92.0	Bệnh bạch cầu dạng tủy cấp	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
72	C92.1	Bệnh bạch cầu dạng tủy mạn [CML], BCR/ABL- dương tính	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
73	C92.2	Bệnh bạch cầu dạng tủy mãn tính không điển hình, BCR/ABL âm tính	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
74	C92.3	Ung thư mô liên kết dòng tủy	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
75	C92.4	Bệnh bạch cầu dạng tiền tủy bào (PML)	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
76	C92.5	Bệnh bạch cầu dạng tủy đơn nhân cấp	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
77	C92.6	Bệnh bạch cầu dạng tủy cấp tính có bất thường 11Q23	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
78	C92.7	Bệnh bạch cầu dạng tủy khác	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
79	C92.8	Bệnh bạch cầu dạng tủy cấp tính có loạn sản đa dòng	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
80	C92.9	Bệnh bạch cầu dạng tủy, không đặc hiệu	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
81	C93	Bệnh bạch cầu đơn nhân	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
82	C93.0	Bệnh bạch cầu đơn nhân/nguyên bào đơn nhân cấp tính	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
83	C93.1	Bệnh bạch cầu dòng tủy đơn nhân mãn tính	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
84	C93.2	Bệnh bạch cầu đơn nhân bán cấp	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
85	C93.3	Bệnh bạch cầu dòng tủy đơn nhân tuổi vị thành niên	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
86	C93.7	Bệnh bạch cầu đơn nhân khác	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
87	C93.9	Bệnh bạch cầu đơn nhân không đặc hiệu	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
88	C94	Bệnh bạch cầu khác có loại tế bào xác định	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
89	C94.0	Bệnh bạch cầu dạng tăng hồng cầu	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
90	C94.1	Bệnh tăng hồng cầu mạn	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
91	C94.2	Bệnh bạch cầu dạng tiền nguyên tiêu cấp	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
92	C94.3	Bệnh bạch cầu dạng dưỡng bào	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
93	C94.4	Bệnh toàn tủy cấp tính có xơ tủy	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.

DANH MỤC MỘT SỐ BỆNH ĐƯỢC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CẤP CHUYÊN SÂU

P	MÃ BỆNH	TÊN BỆNH	TÌNH TRẠNG/ĐIỀU KIỆN
94	C94.5	Bệnh xơ tủy cấp	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
95	C94.6	Bệnh loạn sản tủy và tăng sinh tủy, chưa phân loại nơi khác	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
96	C94.7	Bệnh bạch cầu xác định khác	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
97	C95	Bệnh bạch cầu có loại tế bào không xác định	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
98	C95.0	Bệnh bạch cầu cấp loại tế bào không xác định	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
99	C95.1	Bệnh bạch cầu mạn loại tế bào không xác định	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
100	C95.2	Bệnh bạch cầu bán cấp loại tế bào không xác định	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
101	C95.7	Bệnh bạch cầu khác, loại tế bào không xác định	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
102	C95.9	Bệnh bạch cầu không xác định	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
103	C96	U ác khác và không đặc hiệu của hệ lympho, hệ tạo máu và mô liên quan	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
104	C96.0	Bệnh tổ chức bào tế bào Langerhans đa ổ và đa hệ thống (rối rác) [bệnh Letterer-Siwe]	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
105	C96.1	Bệnh mô bào ác tính	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
106	C96.2	Bệnh dưỡng bào hệ thống xâm lấn	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
107	C96.3	U lympho mô bào thực sự	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
108	C96.4	Sarcom tế bào đuôi gai (tế bào phụ)	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
109	C96.5	Bệnh tổ chức bào tế bào Langerhans đa ổ và đơn hệ thống	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
110	C96.6	Bệnh tổ chức bào Langerhans đơn ổ	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
111	C96.7	U ác tính khác của mô dạng lympho, hệ tạo máu và mô liên quan	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
112	C96.8	Sarcom tổ chức bào	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
113	C96.9	U ác tính không đặc hiệu của mô dạng lympho, hệ tạo máu và mô liên quan	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
114	D46	Hội chứng loạn sản tủy xương	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
115	D46.0	Thiếu máu kháng điều trị không có nguyên hồng cầu sắc hình vòng, được xác lập như vậy	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
116	D46.1	Thiếu máu kháng điều trị có nguyên hồng cầu hình vòng	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
117	D46.2	Thiếu máu đề kháng với quá nhiều nguyên bào	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
118	D46.3	Thiếu máu đề kháng với quá nhiều nguyên bào chuyên dạng	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
119	D46.4	Thiếu máu đề kháng, không đặc hiệu	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
120	D46.5	Thiếu máu kháng điều trị có loạn sản đa dòng	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
121	D46.6	Hội chứng loạn sản tủy có bất thường nhiễm sắc thể del (5q) đơn độc	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
122	D46.7	Hội chứng loạn sản tủy xương khác	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
123	D46.9	Hội chứng loạn tủy xương không đặc hiệu	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
124	D61	Các thể suy tủy xương khác	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
125	D61.0	Suy tủy xương bẩm sinh	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
126	D61.1	Suy tủy xương do thuốc	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
127	D61.2	Suy tủy xương do các nguyên nhân bên ngoài khác	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
128	D61.3	Suy tủy xương vô căn	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
129	D61.8	Suy tủy xương đặc hiệu khác	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.
130	D68.6	Bệnh tăng đông máu khác	
131	D76.2	Hội chứng thực bào tế bào máu liên quan đến nhiễm trùng	
132	M32.1	Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống có tổn thương phủ tạng	Tổn thương tim hoặc phổi hoặc thận nặng, tiến triển, đe dọa tính mạng. Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
133	Z94	Tình trạng của mảnh ghép cơ quan và tổ chức	
134	E85	Thoái hoá dạng bột	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định đặc hiệu.